

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 260/2024/DS-PT

Ngày: 05-7-2024

V/v: Tranh chấp đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử Phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Minh Tấn

Các Thẩm Phán: Ông Nguyễn Trọng Quế

Ông Huỳnh Văn Út

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Thế Bắc, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị D Thúy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 tháng 6 và ngày 05 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 5 năm 2024 về việc: Tranh chấp đòi lại tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2024/DS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2024/QĐXXPT-DS ngày 20 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:**

1. Bà Lê Thị Kim N, sinh năm 1971 (có mặt).

Trú tại: Tổ dân phố 13, phường D, thị xã D2, tỉnh Khánh Hòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của N: Luật sư Trần Hoàng P, Văn phòng Luật sư Trần Hoàng H1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1965 (có mặt).

Trú tại: Ấp Đ, xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:**

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1954.

Trú tại: 18B Khóm 3, phường 8, thành phố E, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1987 (theo văn bản ủy quyền ngày 15/4/2024) (có mặt).

Trú tại: Ấp Đ, xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H: Ông Nguyễn Trung K
- Trợ giúp viên pháp lý của Trung Tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1987 (có mặt).

Trú tại: Ấp Đ, xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T: Luật sư Đặng Huỳnh Q,
Văn phòng Luật sư Huỳnh Q, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Lê Ngọc T1, sinh năm 2000 (có mặt ngày 19/6/2024, vắng mặt ngày 05/7/2024).

2. Chị Nguyễn Thanh T2, sinh năm 2001.

Trú tại: Tổ dân phố 13, phường F, thị xã F1, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T2: Ông Phạm Văn X, sinh năm 1957 (có mặt).

Trú tại: Ấp Đ3, xã Đ4, huyện Đ2, tỉnh Cà Mau.

3. Cụ Nguyễn Thị B, sinh năm 1929 (đã chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà B:

+ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1954.

Trú tại: 18B, Khóm 3, phường 8, thành phố E, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1987 (theo văn bản ủy quyền ngày 15/4/2024) (có mặt).

+ Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1965 (có mặt).

+ Bà Nguyễn Thị K sinh năm 1968.

Người đại diện theo ủy quyền của bà K: Ông Lưu Chí L, sinh năm 1994 (có mặt).

Trú tại: Ấp Đ, xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Cà Mau.

+ Chị Nguyễn Lê Ngọc T1, sinh năm 2000 (có mặt ngày 19/6/2024, vắng mặt ngày 05/7/2024).

+ Chị Nguyễn Thanh T2, sinh năm 2001.

Trú tại: Tổ dân phố 13, phường F, thị xã F1, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T2: Ông Phạm Văn X, sinh năm 1957 (có mặt).

Trú tại: Ấp Đ3, xã Đ4, huyện Đ2, tỉnh Cà Mau.

+ Ông Nguyễn Trường G, sinh năm 1954 (đã chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông G:

Bà Võ Xuân L2, sinh năm 1963.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L2: Chị Nguyễn Võ Anh N2, sinh năm 1994 (có mặt).

Chị Nguyễn Võ Anh N2, sinh năm 1994 (có mặt).

Trú tại: Số 14, đường E1, khóm 5, phường 5, thành phố E, tỉnh Cà Mau.

4. Ông Huỳnh Việt C, sinh năm 1982.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C: Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1987 (có mặt).

Trú tại: Ấp Đ, xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C: Luật sư Đặng Huỳnh Q, Văn phòng Luật sư Huỳnh Q, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Ngọc T là bị đơn; ông Huỳnh Việt C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/10/2022 và các lời khai tại Tòa án bà Nguyễn Thị D nguyện đơn trình bày:

Bà đi lao động tại Hàn Quốc khoảng 7, 8 năm nay và đã về Việt Nam sinh sống từ tháng 8/2022 đến nay. Do anh ruột bà là Nguyễn Trường Kỳ nuôi mẹ ruột là Nguyễn Thị B, vì ông Kỳ không đủ tiền cất nhà nên ông Kỳ thỏa thuận với bà cùng nhau hùn cất nhà tại ấp Đ, xã Đ1, huyện Cái Đ2, tỉnh Cà Mau, mục đích cất nhà để nuôi và phụng dưỡng bà B, bà có nhờ con gái Lưu Anh Thư tên đăng ký bên Hàn Quốc là KIM YOOMI gửi về cho ông Kỳ 03 lần, cụ thể: Lần 1 ngày 12/01/2017 gửi về 11.100 USD, lần 2 ngày 13/02/2017 gửi về 11.000 USD và lần 3 ngày 15/5/2017 gửi về 1.600 USD, tổng gửi cho ông Kỳ là 23.700 USD quy đổi ra tiền Việt Nam khoảng hơn 500.000.000 đồng. Căn nhà được xây dựng ngày 11/12/2016, lúc này bà đang ở Hàn Quốc, chỉ gửi tiền về cho ông Kỳ xây dựng nhà, người trực tiếp đứng ra làm đầu mỗi chịu trách nhiệm xây dựng là ông Kỳ, người lãnh xây căn nhà – thầu là ông Huỳnh Việt C chồng bà Nguyễn Ngọc T, còn việc ông C kêu ai làm thì bà không biết và mượn bà T nấu cơm, hai bên không có hợp đồng, khi xây xong căn nhà đã trả cho ông C tổng số tiền 115.000.000 đồng, trả cho bà T số tiền 25.000.000 đồng, trả nhiều lần, khi trả không có giấy tờ và không ai chứng kiến, đến năm 2017 xây dựng xong căn nhà, giá trị căn nhà là 850.000.000 đồng. Đến ngày 02/9/2021 ông Kỳ mất nên anh em thống nhất cho ông Nguyễn Văn H về nuôi mẹ bà nhưng ông H không nuôi mà cho con gái là Nguyễn Ngọc T về nuôi. Trên căn nhà sinh sống gồm có bà T, ông C và bà B (đã chết vào ngày 09/8/2023). Đối với số tiền nhà nước hỗ trợ cho bà B cất nhà 40.000.000 đồng, hỗ trợ sau khi đã cất nhà xong, ông H nhận và hiện số tiền này ông H đang quản lý, bà không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với 40.000.000 đồng này. Bà thống nhất với kết quả đo đạc và định giá. Đối với phần xây tiền chế nối với căn nhà là do vợ chồng bà T xây nên không có yêu cầu gì. Nay bà yêu cầu ông H và vợ chồng bà T, ông C phải di dời trả lại căn nhà theo đo đạc thực tế có diện tích 120,9 m² cho bà và vợ ông Kỳ là bà N, căn nhà tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Cà Mau. Đối với tài sản khác trong căn nhà thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn khởi kiện ngày 19/10/2022 và các lời khai tại Tòa án bà Lê Thị Kim N nguyện đơn trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của bà D, bà là vợ ông Kỳ, vợ chồng bà có 02 người con chung là Nguyễn Lê Ngọc T1 và Nguyễn Thanh T2. Ông Kỳ mất ngày 02/9/2021, khi ông Kỳ còn sống thì vợ chồng bà và bà D có hùn cất căn nhà mục đích để nuôi mẹ là bà B, do 02 người con đi học ở Khánh Hòa nên bà sống cùng với các con nhưng dịp hè, Tết thì vẫn về, căn nhà chỉ có ông Kỳ ở nuôi mẹ. Nay bà yêu cầu ông H và vợ chồng bà T, ông C phải di dời trả lại căn nhà theo đo đạc thực tế có diện tích 120,9 m² cho bà và bà D, căn nhà tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Cà Mau. Đối với tài sản khác trong căn nhà thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các lời khai tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Lời trình bày của nguyên đơn là không đúng, ông là người nuôi mẹ ruột là bà Nguyễn Thị B từ năm 2001, đến năm 2016 ông và vợ chồng bà T có hùn cất căn nhà, có số tiền 40.000.000 đồng do nhà nước hỗ trợ cho bà B là người có công, ông là người nhận số tiền này. Năm 2018 do tình hình sức khỏe nên ông kêu vợ chồng con gái ông là bà T và ông Huỳnh Việt C về sinh sống lo cho bà B, ông Kỳ là giáo viên đi làm đến tháng 11/2017 nghỉ hưu nên có tới lui về sinh sống cùng gia đình ông và bà B, sự thật không có việc ông Kỳ, bà D hùn tiền cất căn nhà hiện nay đang tranh chấp, căn nhà này là do ông và vợ chồng bà T trực tiếp chịu trách nhiệm đưa tiền ra cất, ngoài ra không còn ai khác có quyền lợi liên quan gì đến căn nhà, ông có nộp cho Tòa án các giấy tờ thể hiện mua vật tư xây dựng để xây căn nhà. Trên căn nhà hiện nay, chỉ có vợ chồng bà T và ông C sinh sống cho đến khi bà B chết, còn ông sinh sống tại phường 8, thành phố E. Ông thống nhất với kết quả đo đạc và định giá, không có yêu cầu Tòa án thu thập, tài liệu chứng cứ gì. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông không đồng ý. Đối với tài sản khác trong căn nhà thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các lời khai tại Tòa án, bị đơn bà Nguyễn Ngọc T trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông H, căn nhà là do vợ chồng bà và ông H cùng nhau cất, có số tiền 40.000.000 đồng do nhà nước hỗ trợ cho bà B, không phải do ông Kỳ và bà D cất. Đối với phần xây tiền chế nối với căn nhà là do vợ chồng bà xây năm 2022 nhưng không có yêu cầu gì, nếu Tòa giải quyết căn nhà thuộc về vợ chồng bà và ông H thì giữ nguyên hiện trạng nếu buộc vợ chồng bà và ông H trả lại căn nhà thì vợ chồng bà sẽ tự tháo dỡ. Bà D cho rằng có thuê mướn bà nấu cơm cho thợ và thuê ông C xây nhà là không có, bà thống nhất với kết quả đo đạc và định giá, không có yêu cầu Tòa án thu thập, tài liệu chứng cứ gì. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà không đồng ý. Đối với tài sản trong căn nhà thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 30/3/2023 bà Nguyễn Ngọc T là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị B, ông Huỳnh Việt C trình bày: Đối với số tiền 40.000.000 đồng nhà nước hỗ trợ cho bà B trước khi bà B chết và cho đến nay bà

B cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì. Anh C thống nhất theo lời trình bày quan điểm của bà T, không có ý kiến gì khác.

Tại các biên bản hòa giải chị Nguyễn Lê Ngọc T1 trình bày: Chị là con ruột của ông Kỳ và bà N, chị thống nhất với ý kiến bà N, bà D không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại các biên bản hòa giải ông Nguyễn Trường G là người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thanh T2 trình bày: Ông là anh em ruột với ông H, ông Kỳ, bà D. Ông thống nhất với ý kiến bà N, không có ý kiến hay yêu cầu gì khác. Tuy nhiên, ông H không trực tiếp nuôi bà B chỉ tới lui chăm sóc, sau khi ông Kỳ mất thì vợ chồng bà T về chăm sóc là đúng. Đối với căn nhà là do ông Kỳ và bà D xuất tiền ra cất chứ không phải do ông H và bà T xuất tiền ra cất, thống nhất với ý kiến bà N, bà D không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2024/DS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim N và bà Nguyễn Thị D.

Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Ngọc T và ông Huỳnh Việt C phải tách rời kết cấu nhà sắt tiền chế (mái che) có khung cột bê tông cốt thép, đòn tay sắt, mái tol, sóng vuông, vách tường lửng cao 0,97 mét, song sắt cao 1,15 mét, diện tích 40,2 m² ra khỏi vách tường căn nhà và di dời các tài sản khác của ông H, bà T, ông C ra khỏi căn nhà để trả lại cho bà Lê Thị Kim N và bà Nguyễn Thị D căn nhà theo đo đạc thực tế có vị trí tranh chấp M1M2M3M4M5M6, với diện tích 120,9 m², căn nhà tọa lạc tại ấp Phú Thạnh, xã Phú Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

(Kèm theo bản vẽ hiện trạng ngày 31/01/2024 của Công ty Trách Nhiệm hữu hạn Một thành viên Tài nguyên và Môi trường Dâng Phong).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 25/3/2024 ông Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Ngọc T và anh Huỳnh Văn C có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét toàn diện, khách quan.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án bởi: Căn nhà tranh chấp được xây dựng cho cụ B ở và nằm gần

liên với phần đất của cụ B đã có di chúc cho ông H. Như vậy cần xác định căn nhà là tài sản của cụ B hay của bà N, bà D, ông H, chị T và anh C. Trong khi đó, án sơ thẩm chỉ giải quyết phần nhà mà không xem xét phần đất gắn liền để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là không toàn diện vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Ngọc T và anh Huỳnh Văn C, sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Các đương sự đều thống nhất căn nhà được xây dựng vào năm 2016, mục đích xây dựng nhà là để cho cụ B ở. Bà N và bà D cho rằng nguồn tiền xây dựng nhà do bà D góp 500.000.000 đồng, còn lại do vợ chồng bà N, ông Kỳ góp. Đối với ông H, chị T và anh C xác định nguồn tiền xây dựng là do ông H, chị T và anh C góp vào, trong đó có 40.000.000 đồng tiền cụ B được hưởng gia đình chính sách.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N, bà D và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng: Mục đích xây dựng nhà là cho cụ B ở, sau này cụ B chết sẽ dùng làm nơi thờ cúng. Tại đơn khởi kiện, bà N và bà D cũng xác định khi xây dựng nhà xong để cho ông H nuôi cụ B nhưng ông H không về ở nuôi cụ B mà giao cho vợ chồng con ông H là chị T, anh C nuôi, nên nguyên đơn yêu cầu đòi lại nhà. Như vậy, có cơ sở xác định căn nhà do các con cụ B góp xây dựng trên phần đất của cụ B nhằm mục đích cho cụ B ở, nên tài sản này của cụ B, khi cụ B chết, tài sản trên được xác định là di sản của cụ B để lại. Án sơ thẩm xác định căn nhà tranh chấp là tài sản riêng của bà D và bà N để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông H, chị T và anh C giao trả nhà là chưa phù hợp. Trong khi đó, căn nhà được xây dựng trên phần đất mà cụ B đã cho ông H theo di chúc ngày 30/5/2001. Nếu buộc bị đơn trả nhà nhưng còn diện tích đất gắn liền với căn nhà ông H không được quản lý, sử dụng cũng không phù hợp.

[3] Mặc khác, ngoài căn nhà đang tranh chấp, ông H, chị T và anh C còn đầu tư xây dựng mái che tiền chế gắn liền với căn nhà chính, đồng thời đầu tư xây dựng hàng rào, cửa cổng. Nếu căn nhà là tài sản riêng của bà N và bà D thì vì sao ông H, chị T và anh C đầu tư xây dựng những công trình phụ trên đó? Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự yêu cầu xem xét, giải quyết đối với diện tích đất gắn liền với căn nhà. Tuy nhiên, nội dung này các đương sự không có yêu cầu và chưa được xem xét ở cấp sơ thẩm, nên cấp phúc thẩm không có cơ sở để xem xét. Nếu sau này các đương sự không thỏa thuận được với nhau thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

Từ những nhận định trên, xét thấy cần chấp nhận kháng cáo của ông H, chị T và anh C, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N và bà D. Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bà D và bà N phải chịu án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo nên ông H, chị T và anh C không phải chịu.

[5] Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị không phù hợp nên không được chấp nhận, Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị phù hợp nên được chấp nhận. Xét thấy, Kiểm sát viên đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án là không cần thiết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Ngọc T và anh Huỳnh Việt C, sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2024/DS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim N và bà Nguyễn Thị D về việc: Yêu cầu ông Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Ngọc T và anh Huỳnh Việt C có nghĩa vụ trả lại căn nhà tranh chấp tọa lạc tại ấp Phú Thạnh, xã Phú Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

(Kèm theo bản vẽ hiện trạng ngày 31/01/2024 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Tài nguyên và Môi trường Dâng Phong).

2. Về chi phí giám định; chi phí đo đạc và định giá:

- Về chi phí giám định: Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Trường G phải chịu số tiền 6.920.000 đồng (sáu triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng), bà D đã dự nộp xong.

- Về chi phí đo đạc và định giá: Bà Nguyễn Thị D và bà Lê Thị Kim N phải chịu số tiền 15.513.500 đồng (Mười lăm triệu năm trăm mười ba nghìn năm trăm đồng) đã nộp xong.

3. Về án phí:

Bà Lê Thị Kim N (Lê Kim N), bà Nguyễn Thị D phải chịu 19.948.500 đồng. Bà N, bà D đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm số tiền 18.750.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008501 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước được chuyển thu đối trừ, bà N và bà Diễm còn phải nộp tiếp số tiền 1.198.500 đồng. Ông Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Ngọc T, anh Huỳnh Việt C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Ngọc T và anh Huỳnh Việt C không phải chịu, ngày 25/3/2024 anh C và chị T đã nộp mỗi người 300.000 đồng theo các lai số: 0012979 và 0012980 được hoàn lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Minh Tấn